

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 157/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH 10 ngày 28 tháng 8 năm 2001, Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 và Nghị định số 65/2012/NĐ-CP ngày 06/9/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 136/2007/NĐ-CP của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực và các loại giấy tờ cho người Việt Nam và người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam (gọi chung là lệ phí xuất nhập cảnh) do các cơ quan thuộc Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng tổ chức thu tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng nộp lệ phí

Công dân Việt Nam khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng cấp hộ chiếu, giấy tờ có liên quan đến việc cấp hộ chiếu (nếu có) và người nước ngoài khi được các cơ quan này cấp thị thực; hoặc người Việt Nam và người nước ngoài khi được các cơ quan

này cấp các loại giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh hoặc cư trú tại Việt Nam phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Những trường hợp được miễn nộp lệ phí

1. Khách mời (kể cả vợ hoặc chồng, con) của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội hoặc của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội mời với tư cách cá nhân.

2. Viên chức, nhân viên của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam và thành viên của gia đình họ (vợ hoặc chồng và con dưới 18 tuổi), không phải là công dân Việt Nam và không thường trú tại Việt Nam, được miễn lệ phí trên cơ sở có đi có lại.

3. Người nước ngoài được miễn lệ phí thị thực theo điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế giữa Việt Nam với nước ngoài, hoặc theo nguyên tắc có đi, có lại.

4. Người nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện công việc cứu trợ hoặc giúp đỡ nhân đạo cho các tổ chức, cá nhân Việt Nam.

5. Những người thuộc diện được miễn thu lệ phí theo quyết định cụ thể của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Những trường hợp được miễn thu lệ phí quy định trên đây, cơ quan thu lệ phí phải đóng dấu "miễn thu lệ phí" (GRATIS) vào giấy tờ đã cấp.

Trường hợp người Việt Nam và người nước ngoài đã nộp lệ phí cấp hộ chiếu, giấy tờ có liên quan gắn liền việc cấp hộ chiếu và thị thực nhưng không đủ điều kiện được cấp những giấy tờ này thì cơ quan thu lệ phí thực hiện hoàn trả số tiền lệ phí đã thực nộp khi có thông báo không đủ điều kiện được cấp bằng nguồn tiền thu lệ phí xuất nhập cảnh. Tiền lệ phí không được hoàn trả lại nếu đương sự từ chối không nhận kết quả xử lý hồ sơ.

Điều 4. Mức thu

1. Mức thu lệ phí xuất nhập cảnh được quy định cụ thể tại Biểu mức thu lệ phí ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Lệ phí xuất nhập cảnh thu bằng Việt Nam đồng. Đối với mức thu quy định bằng đôla Mỹ (USD) thì được thu bằng USD hoặc thu bằng Việt Nam đồng trên cơ sở quy đổi từ USD ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua, bán ngoại tệ bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu tiền lệ phí.

Điều 5. Tổ chức thu, nộp và quản lý sử dụng

1. Cơ quan thuộc Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng thực hiện cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về xuất cảnh, nhập cảnh hoặc cư trú, tổ chức thu lệ phí xuất nhập cảnh (dưới đây gọi chung là cơ quan thu lệ phí xuất nhập cảnh) theo quy định:

a) Niêm yết công khai tại nơi thu lệ phí về đối tượng thu, mức thu theo đúng quy định tại Thông tư này. Khi thu tiền phải cấp biên lai thu lệ phí cho người nộp tiền (biên lai nhận tại cơ quan thuế địa phương nơi cơ quan thu đóng trụ sở chính và được quản lý, sử dụng theo chế độ hiện hành).

b) Thu tiền lệ phí bằng tiền mặt hoặc bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; mở tài khoản tạm giữ tiền thu lệ phí tại Kho bạc Nhà nước nơi đóng trụ sở chính. Trường hợp thực hiện nộp lệ phí bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt thì được mở tài khoản tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng và tổ chức dịch vụ theo quy định của pháp luật. Hàng ngày hoặc chậm nhất là ngày làm việc kế tiếp phải lập bảng kê, gửi lệ phí đã thu được vào tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước và quản lý theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

c) Đăng ký, kê khai, nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

2. Cơ quan thu lệ phí được trích 30% (ba mươi phần trăm) trên tổng số tiền lệ phí thu được trong kỳ để chi phí cho công việc thu lệ phí theo nội dung cụ thể sau:

a) Chi mua hoặc in ấn hộ chiếu, thị thực và các loại giấy tờ khác về xuất nhập cảnh; các loại biểu mẫu liên quan phục vụ cho việc thu lệ phí xuất nhập cảnh.

b) Chi mua văn phòng phẩm, công tác phí (đi lại, lưu trú) theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

c) Chi sửa chữa công cụ, phương tiện phục vụ cho công việc thu lệ phí.

d) Chi trả tiền công, các khoản đóng cho lao động hợp đồng (nếu có) theo chế độ quy định. Chi bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ cho công chức, viên chức thực hiện thu lệ phí theo quy định hiện hành.

e) Chi mua sắm vật tư, công cụ, thiết bị làm việc và các khoản chi thường xuyên khác liên quan trực tiếp đến việc thu lệ phí.